

KẾ HOẠCH
Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn
tỉnh Kiên Giang đến năm 2025

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Kế hoạch Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 (gọi tắt là Kế hoạch), với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (gọi tắt là DN NVV) được quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017 và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, ổn định để các DN NVV đóng góp ngày càng nhiều vào sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh; góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế của cộng đồng doanh nghiệp tỉnh.

- Sử dụng nguồn lực hỗ trợ đúng mục đích và theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu

- Công tác hỗ trợ DN NVV cần bám sát các nội dung, quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017 (gọi tắt là Luật Hỗ trợ DN NVV) và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, đảm bảo công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, đối tượng, nội dung, trình tự, thủ tục theo quy định.

- Cân đối các nguồn lực hỗ trợ cho DN NVV đảm bảo hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực có tiềm năng và lợi thế của tỉnh.

- DN NVV trên địa bàn tỉnh, cần nêu cao tinh thần đổi mới sáng tạo trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh, ý thức chấp hành quy định của pháp luật trong việc tiếp nhận, phối hợp và tổ chức thực hiện các nguồn lực hỗ trợ.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách hỗ trợ DNNVV quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh cho DNNVV trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục tạo môi trường thuận lợi cho DNNVV theo hướng nâng cao chất lượng, phát triển về số lượng, đạt hiệu quả kinh tế, góp phần tạo nhiều việc làm, giảm nghèo, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường. Nâng cao năng lực quản trị, năng lực tiếp cận thị trường và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đặc biệt là DNNVV trên địa bàn tỉnh. Đảm bảo các doanh nghiệp phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh doanh trong khu vực kinh tế tư nhân. Phấn đấu đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh có trên 13.000 doanh nghiệp đang hoạt động. Bình quân hàng năm có từ 20 - 30 hộ kinh doanh chuyển đổi lên doanh nghiệp.

- Phấn đấu đến năm 2025, có 100 DNNVV khởi nghiệp sáng tạo.
- Tỷ trọng doanh nghiệp lớn chiếm khoảng 5%.
- Số lao động được giải quyết việc làm trên 140.000 lao động.
- Vốn đầu tư của dân cư và doanh nghiệp ngoài quốc doanh chiếm 89%/ tổng vốn đầu tư toàn xã hội.
- Xây dựng hoàn chỉnh hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tập trung xây dựng cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung.
- Hỗ trợ các DNNVV về tập huấn kiến thức Hội nhập kinh tế quốc tế, các Hiệp định thương mại tự do (FTA); thông tin thị trường xuất nhập khẩu; thương mại điện tử.
- Hỗ trợ các DNNVV về tham dự các Chương trình xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ và ứng dụng thương mại điện tử.

(Chi tiết như Phụ lục I đính kèm)

III. ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ

- Doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động trên địa bàn tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

- DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh.

IV. HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ, TƯ VẤN VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

1. Hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Giai đoạn 2022 - 2025				Tổng
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	2.050	2.190	2.340	2.390	8.970

(Chi tiết như Phụ lục II đính kèm)

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.

- Hướng dẫn, lựa chọn và thực hiện hỗ trợ cho DNNVV theo đúng quy định của pháp luật.

DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Phần III liên hệ Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện theo quy định.

2. Hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Giai đoạn 2022 - 2025				Tổng
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa		10.900	10.900	10.900	32.700

(Chi tiết như Phụ lục II đính kèm)

Trên cơ sở thông tin về mạng lưới tư vấn viên đăng tải tại Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ DNNVV, trang thông tin điện tử của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, DNNVV trực tiếp liên hệ với mạng lưới tư vấn viên để được hướng dẫn, thương thảo, ký kết biên bản thỏa thuận dịch vụ tư vấn với cá nhân, tổ chức thuộc mạng lưới tư vấn viên theo quy định.

DNNVV tiếp cận mạng lưới tư vấn viên để được hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn về nhân sự, tài chính, sản xuất, bán hàng, thị trường, quản trị nội bộ và các nội dung khác liên quan tới hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn về thủ tục hành chính, pháp lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành).

3. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Giai đoạn 2022 - 2025				Tổng
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	640	640	640	640	2.560

(Chi tiết như Phụ lục II đính kèm)

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức, phân công thực hiện.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.

- Hướng dẫn, lựa chọn và thực hiện hỗ trợ cho DNNVV theo đúng quy định của pháp luật.

DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Phần III liên hệ Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để được hướng dẫn, hỗ trợ theo quy định.

V. HỖ TRỢ DNNVV CHUYỂN ĐỔI TỪ HỘ KINH DOANH

1. Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tư vấn, hướng dẫn miễn phí hộ kinh doanh đăng ký chuyển đổi thành doanh nghiệp về:

- Trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp;
- Trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện (nếu có).

Hộ kinh doanh đăng ký chuyển đổi thành doanh nghiệp có nhu cầu tư vấn, hướng dẫn các nội dung trên, gửi đề nghị hỗ trợ thông qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến tới Sở Kế hoạch và Đầu tư. Hồ sơ kèm theo đơn đề nghị gồm: Bản sao hợp lệ Giấy đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh; Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế; Bản sao hợp lệ chứng từ nộp lệ phí môn bài, các loại thuế và khoản nộp ngân sách Nhà nước khác (nếu có); Tờ khai thuế trong thời hạn 01 năm trước khi chuyển đổi.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thực hiện tư vấn, hướng dẫn miễn phí các nội dung trên.

2. Hỗ trợ đăng ký doanh nghiệp, công bố thông tin doanh nghiệp

DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp lần đầu tại cơ quan đăng ký kinh doanh, miễn phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp lần đầu tại cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

3. Hỗ trợ thủ tục đăng ký ngành, nghề kinh doanh có điều kiện

DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà không thay đổi về quy mô thì gửi đề nghị tới cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền để được cấp văn bản liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của doanh nghiệp, cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm cấp văn bản liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp.

4. Hỗ trợ lệ phí môn bài

DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

5. Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn thủ tục hành chính về thuế, chế độ kế toán

DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh được tư vấn, hướng dẫn miễn phí về thủ tục hành chính về thuế, chế độ kế toán trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

Giao Sở Tài chính thực hiện tư vấn, hướng dẫn miễn phí về thủ tục hành chính về thuế và chế độ kế toán theo quy định trên.

VI. HỖ TRỢ DNNVV KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

1. Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Hỗ trợ DNNVV được xác định theo một trong các tiêu chí sau đây:

- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, phần mềm máy tính, ứng dụng trên điện thoại di động, điện toán đám mây, giống vật nuôi mới, giống cây trồng mới, giống thủy sản mới, giống cây lâm nghiệp mới.

- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm được tạo ra từ các dự án sản xuất thử nghiệm, sản phẩm mẫu và hoàn thiện công nghệ; sản xuất, kinh doanh sản phẩm đạt giải tại các cuộc thi khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, quốc tế; các giải thưởng về khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về giải thưởng khoa học và công nghệ.

- Có giải pháp công nghệ hoặc mô hình kinh doanh mới có khả năng tăng trưởng doanh thu của doanh nghiệp đạt tối thiểu 20% trong 02 năm liên tiếp trên cơ sở phân tích các yếu tố thị phần, khả năng phát triển của sản phẩm, dịch vụ và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tháo gỡ.

2. Phương thức lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo để hỗ trợ

Căn cứ tiêu chí quy định tại khoản 1 phần VI về tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và điều kiện hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (là các Sở, ngành, đơn vị được phân công nhiệm vụ thực hiện hỗ trợ DNNVV) lựa chọn doanh nghiệp để hỗ trợ theo một trong các phương thức sau đây:

(1) Lựa chọn các doanh nghiệp có giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo hoặc sản phẩm, dự án về đổi mới sáng tạo; hoặc được cấp văn bằng bảo hộ đối với sáng chế; hoặc được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ, Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

(2) Lựa chọn các doanh nghiệp đã được đầu tư hoặc cam kết đầu tư bởi các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; được hỗ trợ hoặc cam kết hỗ trợ bởi các khu làm việc chung, các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở ươm tạo, cơ sở thúc đẩy kinh doanh, các trung tâm đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về đầu tư.

(3) Lựa chọn thông qua Hội đồng:

Cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể thành lập Hội đồng để lựa chọn doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo các tiêu chí quy định tại khoản 1 Phần VI nêu trên và đảm bảo nguyên tắc sau:

- Số lượng thành viên và cơ chế làm việc của Hội đồng do cơ quan thành lập Hội đồng quyết định.

- Thành viên của Hội đồng có tối thiểu 50% là các chuyên gia tư vấn độc lập. Các thành viên còn lại là đại diện của cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động theo cơ chế kiêm nhiệm.

- Kinh phí hoạt động của Hội đồng được tổng hợp chung trong kinh phí quản lý hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Hàng năm, giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng các Sở, ngành, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch, dự trù kinh phí hoạt động của Hội đồng gửi Sở Tài chính tổng hợp, thẩm định theo quy định.

3. Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung

DVT: triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Giai đoạn 2022 - 2025				Tổng
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ương tạo, khu làm việc chung			240	460	700

(Chi tiết như Phụ lục II đính kèm)

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.

- Hướng dẫn, lựa chọn và thực hiện hỗ trợ cho DNNVV theo đúng quy định của pháp luật.

DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Phần III liên hệ Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn, lựa chọn, hỗ trợ theo quy định.

4. Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ

DVT: triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Giai đoạn 2022 - 2025				Tổng
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ	760	760	760	760	3.040

(Chi tiết như Phụ lục II đính kèm)

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.

- Hướng dẫn, lựa chọn và thực hiện hỗ trợ cho DNNVV theo đúng quy định của pháp luật.

DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Phần III liên hệ Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn, lựa chọn, hỗ trợ theo quy định.

5. Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới

DVT: triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Giai đoạn 2022 - 2025				Tổng
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới	1.060	1.060	1.560	1.560	5.240

(Chi tiết như Phụ lục II đính kèm)

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ

- Hàng năm xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.

- Hướng dẫn, lựa chọn và thực hiện hỗ trợ cho DNNVV theo đúng quy định của pháp luật.

DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Phần III liên hệ Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn, lựa chọn, hỗ trợ theo quy định.

6. Hỗ trợ công nghệ

DVT: triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Giai đoạn 2022 - 2025				Tổng
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Hỗ trợ công nghệ	400	400	400	400	1.600

(Chi tiết như Phụ lục II đính kèm)

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.

- Hướng dẫn, lựa chọn và thực hiện hỗ trợ cho DNNVV theo đúng quy định của pháp luật.

DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Phần III liên hệ Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn, lựa chọn, hỗ trợ theo quy định.

7. Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Giai đoạn 2022 - 2025				Tổng
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu	70	70	130	130	400

(Chi tiết như Phụ lục II đính kèm)

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức, phân công thực hiện.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.

- Hướng dẫn, lựa chọn và thực hiện hỗ trợ cho DNNVV theo đúng quy định của pháp luật.

DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Phần III liên hệ Sở Công Thương để được hướng dẫn, lựa chọn, hỗ trợ theo quy định.

8. Hỗ trợ về thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Giai đoạn 2022 - 2025				Tổng
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Hỗ trợ về thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo	900	1.150	1.150	1.150	4.350

(Chi tiết như Phụ lục II đính kèm)

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức, phân công thực hiện.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.

- Hướng dẫn, lựa chọn và thực hiện hỗ trợ cho DNNVV theo đúng quy định của pháp luật.

DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Phần III liên hệ Sở Công Thương để được hướng dẫn, lựa chọn, hỗ trợ theo quy định.

9. Hỗ trợ chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Giai đoạn 2022 - 2025				Tổng
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Hỗ trợ chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo (Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo nhưng không quá 30 triệu đồng/cuộc thi/năm/doanh nghiệp)	60	60	60	60	240

(Chi tiết như Phụ lục II đính kèm)

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.

- Hướng dẫn, lựa chọn và thực hiện hỗ trợ cho DNNVV theo đúng quy định của pháp luật.

DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Phần III liên hệ Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn, lựa chọn, hỗ trợ theo quy định.

VII. HỖ TRỢ DNNVV THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH, CHUỖI GIÁ TRỊ

1. Tiêu chí xác định cụm liên kết ngành và lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành để hỗ trợ

Cụm liên kết ngành được xác định khi đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau đây:

- Có các doanh nghiệp liên kết sản xuất, kinh doanh trong cùng ngành, lĩnh vực hoặc trong các ngành, lĩnh vực có liên quan đến nhau, vừa cạnh tranh vừa hợp tác với nhau.

- Có tối thiểu 10 doanh nghiệp cùng hợp tác và cạnh tranh trong một địa giới hành chính xác định.

- Có sự tham gia của các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp (các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng, tổ chức hiệp hội và tổ chức liên quan khác).

Doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành được lựa chọn để hỗ trợ khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

- Có hợp đồng mua chung nguyên vật liệu đầu vào.

- Có hợp đồng bán chung sản phẩm.
- Có hợp đồng mua bán, hợp tác liên kết giữa các doanh nghiệp trong cụm liên kết ngành.
- Cùng xây dựng và sử dụng thương hiệu.

2. Tiêu chí xác định chuỗi giá trị và lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi giá trị để hỗ trợ

Chuỗi giá trị được xác định khi đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau đây:

- Sản xuất, phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng.
- Có các doanh nghiệp đầu chuỗi trong chuỗi giá trị.
- Có các doanh nghiệp nhỏ và vừa có tiềm năng cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho doanh nghiệp đầu chuỗi.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi giá trị được lựa chọn hỗ trợ khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

- Là doanh nghiệp đầu chuỗi trong chuỗi giá trị.
- Có hợp đồng mua bán, hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp đầu chuỗi.
- Được doanh nghiệp đầu chuỗi hoặc cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đánh giá có tiềm năng trở thành nhà cung ứng cho doanh nghiệp đầu chuỗi.

3. Hỗ trợ đào tạo

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Giai đoạn 2022 - 2025				Tổng
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Hỗ trợ đào tạo	600	600	600	600	2.400

(Chi tiết như Phụ lục II đính kèm)

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.
- Hướng dẫn, lựa chọn và thực hiện hỗ trợ cho DNNVV theo đúng quy định của pháp luật.

Sở Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và các đơn vị có liên quan phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội hỗ trợ đào tạo cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực quản lý.

DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Phần III liên hệ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để được hướng dẫn, lựa chọn, hỗ trợ theo quy định.

4. Hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Giai đoạn 2022 - 2025				Tổng
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh	520	520	520	520	2.080

(Chi tiết như Phụ lục II đính kèm)

Cơ quan chủ trì thực hiện: Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức, phân công thực hiện.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.

- Hướng dẫn, lựa chọn và thực hiện hỗ trợ cho DNNVV theo đúng quy định của pháp luật.

DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Phần III liên hệ Sở Công Thương để được hướng dẫn, lựa chọn, hỗ trợ theo quy định.

5. Hỗ trợ thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Giai đoạn 2022 - 2025				Tổng
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Hỗ trợ thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường	1.010	1.110	1.110	1.110	4.340

(Chi tiết như Phụ lục II đính kèm)

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức, phân công thực hiện.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.

- Hướng dẫn, lựa chọn và thực hiện hỗ trợ cho DNNVV theo đúng quy định của pháp luật.

DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Phần III liên hệ Sở Công Thương để được hướng dẫn, lựa chọn, hỗ trợ theo quy định.

6. Hỗ trợ hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước

DVT: triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Giai đoạn 2022 - 2025				Tổng
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước	100	100	100	100	400

(Chi tiết như Phụ lục II đính kèm)

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.

- Hướng dẫn, lựa chọn và thực hiện hỗ trợ cho DNNVV theo đúng quy định của pháp luật.

DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Phần III liên hệ Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn, lựa chọn, hỗ trợ theo quy định.

7. Hỗ trợ hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị

DVT: triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Giai đoạn 2022 - 2025				Tổng
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị	80	80	80	80	320

(Chi tiết như Phụ lục II đính kèm)

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Công Thương.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.

- Hướng dẫn, lựa chọn và thực hiện hỗ trợ cho DNNVV theo đúng quy định.

DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Phần III liên hệ Sở Công Thương để được hướng dẫn, lựa chọn, hỗ trợ theo quy định.

8. Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng

DVT: triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Giai đoạn 2022 - 2025				Tổng
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng	1.150	1.150	1.200	1.200	4.700

(Chi tiết như Phụ lục II đính kèm)

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.

- Hướng dẫn, lựa chọn và thực hiện hỗ trợ cho DNNVV theo đúng quy định của pháp luật.

DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Phần III liên hệ Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn, lựa chọn, hỗ trợ theo quy định

9. Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng

DVT: triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Giai đoạn 2022 - 2025				Tổng
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng	420	570	820	970	2.780

(Chi tiết như Phụ lục II đính kèm)

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ theo quy định.

- Hướng dẫn, lựa chọn và thực hiện hỗ trợ cho DNNVV theo đúng quy định của pháp luật.

DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ nêu tại Phần III liên hệ Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn, lựa chọn, hỗ trợ theo quy định.

VIII. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỚI CƠ SỞ ƯƠM TẠO, CƠ SỞ KỸ THUẬT, KHU LÀM VIỆC CHUNG

Triển khai các dự án đầu tư hỗ trợ DNNVV thông qua xây dựng mới cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng có sẵn để hình thành cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; mua sắm, lắp đặt trang thiết bị, máy móc, phòng nghiên cứu, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin cho cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nguồn kinh phí thực hiện: nguồn kinh phí đầu tư công.

IX. HỖ TRỢ LÃI SUẤT CHO DNNVV KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO, DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH, CHUỖI GIÁ TRỊ

1. Nguyên tắc hỗ trợ lãi suất

Trong từng thời kỳ, DNNVV khởi nghiệp sáng tạo và DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất khi vay vốn trung và dài hạn tại các tổ chức tín dụng để thực hiện phương án, dự án sản xuất, kinh doanh theo các nguyên tắc sau:

- Là các doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng tiêu chí về doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo quy định tại Điều 20 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP và tiêu chí hỗ trợ doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị quy định tại khoản 2 Điều 23, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, đồng thời chưa được hưởng các chính sách ưu đãi về lãi suất của Nhà nước trong cùng một giai đoạn.

- Ngân sách Nhà nước hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ sau đầu tư. Mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ lãi suất đối với 01 phương án, dự án sản xuất, kinh doanh trong cùng một giai đoạn.

- Doanh nghiệp vay vốn được tổ chức tín dụng thẩm định và quyết định cho vay theo quy định của pháp luật về cho vay của tổ chức tín dụng.

2. Nội dung hỗ trợ lãi suất

- Trong từng thời kỳ, mức chênh lệch lãi suất được ngân sách Nhà nước cấp bù cho các khoản vay của DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị thông qua các tổ chức tín dụng là 2%/năm.

- Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay có hỗ trợ lãi suất cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong phạm vi dự toán ngân sách Nhà nước bố trí; thực hiện tạm ứng, thanh toán, quyết toán theo các quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- DNNVV được hưởng hỗ trợ lãi suất chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin cung cấp liên quan tới phương án, dự án sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất; hoàn trả số tiền được hỗ trợ lãi suất khi vi phạm các quy định về hỗ trợ lãi suất và pháp luật về cho vay của tổ chức tín dụng.

3. Nguồn kinh phí thực hiện: từ nguồn kinh phí đầu tư công (theo điểm b khoản 1 Điều 28 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ).

X. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí để thực hiện hỗ trợ DNNVV giai đoạn 2022 - 2025 là 76.820 triệu đồng (chưa bao gồm kinh phí đầu tư cơ sở ương tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; kinh phí mua sắm, lắp đặt trang thiết bị, máy móc, phòng nghiên cứu, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin cho cơ sở ương tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; kinh phí hỗ trợ lãi suất cho DNNVV; kinh phí hoạt động của Hội đồng lựa chọn DNNVV khởi nghiệp sáng tạo).

Nguồn kinh phí bao gồm: ngân sách Trung ương là 32.700 triệu đồng; ngân sách địa phương là 44.120 triệu đồng (*Chi tiết như Phụ lục II đính kèm*).

XI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện Kế hoạch này định kỳ hằng năm.

- Chủ trì tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để hỗ trợ DNNVV tại Phần VIII và Phần IX của Kế hoạch này theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các chương trình hỗ trợ đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho các DNNVV; các khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh; chương trình hướng dẫn về lập phương án sản xuất kinh doanh; quản trị doanh nghiệp và các chương trình hỗ trợ khác theo quy định,...

- Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp cho các hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp theo quy định tại Điều 15 của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

- Hướng dẫn trực tiếp và biên soạn các tài liệu, tờ rơi, cẩm nang hướng dẫn thực hiện quy trình đăng ký doanh nghiệp, đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.

- Hướng dẫn doanh nghiệp đến các cơ quan có liên quan, để tiến hành thực hiện các thủ tục sau đăng ký thành lập doanh nghiệp như: thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự...



2. Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán thực hiện của các đơn vị xây dựng, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan thẩm tra, tổng hợp tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí trên cơ sở nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ, khả năng cân đối của ngân sách địa phương và các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước hỗ trợ DNNVV và kinh phí quản lý các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Kế hoạch này.

- Hướng dẫn các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan thực hiện quy trình, thủ tục thanh quyết toán kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ của Kế hoạch này.

- Trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương, Sở Tài chính chủ trì hướng dẫn chính sách cấp bù lãi suất đối với khoản vay của DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; chủ trì thực hiện tạm cấp và quyết toán cấp bù chênh lệch lãi suất cho các tổ chức tín dụng trên cơ sở dự toán ngân sách Nhà nước giao theo quy định tại Phần IX của Kế hoạch này.

3. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, trình UBND tỉnh về cơ chế hỗ trợ mở rộng thị trường, xúc tiến thương mại, liên kết ngành, lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ cho DNNVV và triển khai, hướng dẫn thực hiện theo đúng quy định. Hướng dẫn thực hiện chương trình khuyến công và phát triển thương mại điện tử; giải pháp khuyến khích sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm và đẩy mạnh xuất khẩu.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố tham mưu UBND tỉnh xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng, đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp; phối hợp các địa phương tổ chức công khai quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo từng giai đoạn. Ưu tiên quỹ đất trong cụm công nghiệp để đáp ứng yêu cầu thuê đất của các DNNVV trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ DNNVV trong thực hiện thủ tục đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố hỗ trợ các DNNVV về việc tham dự các Chương trình xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ và ứng dụng thương mại điện tử theo quy định; tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn kiến thức về thương mại điện tử, hội nhập kinh tế quốc tế và các khóa học về điều kiện kinh doanh của lĩnh vực Công Thương.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại nhằm quảng bá, giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ của các DNNVV; triển khai thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại, kết nối giao thương, trao đổi sản phẩm hàng hóa giữa các doanh nghiệp trên địa bàn với các thị trường trong nước và nước ngoài.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố đẩy mạnh việc hỗ trợ nâng cao năng lực công nghệ cho DNNVV; công bố danh mục các văn bản hướng dẫn về nghiên cứu, đổi mới công nghệ, tiếp nhận, cải tiến, hoàn thiện, làm chủ công nghệ, tìm kiếm, giải mã, chuyển giao công nghệ, xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ đối với DNNVV. Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển thương hiệu, đăng ký sở hữu trí tuệ, tham gia nghiên cứu sáng chế công nghệ cải tiến hoạt động sản xuất kinh doanh; chuyển giao ứng dụng thương mại hóa các đề tài đề án, phát minh, sáng kiến theo chương trình năng suất, chất lượng quốc gia,...

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật trên địa bàn; nghiên cứu vận dụng các chính sách hỗ trợ, đề xuất các giải pháp, chương trình hành động nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động hỗ trợ công nghệ, cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật.

- Hỗ trợ tư vấn các doanh nghiệp xây dựng áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến như: HACCP; FSSC 22000; Global GAP; ISO 9001; ISO 14001; ISO/IEC 17025; ISO 15189... hoặc áp dụng công cụ cải tiến năng suất chất lượng như: 5S, Kaizen, Lean, Six Sigma, TPM, KPI, MFCA, BSC...

- Căn cứ tính chất, mục tiêu hỗ trợ, tham mưu cho UBND tỉnh quy định và hướng dẫn chi tiết các tiêu chí quy định tại Điều 20 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP đảm bảo phù hợp với địa bàn quản lý Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan (nếu xét thấy cần thiết).

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng Đề án thành lập cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; đề xuất dự án xây dựng mới cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung hoặc cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng có sẵn để hình thành cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung và mua sắm, lắp đặt trang thiết bị, máy móc, phòng nghiên cứu, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin cho cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung hỗ trợ DNNVV theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì rà soát, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quỹ đất chưa sử dụng, tạo thuận lợi cho DNNVV trong tiếp cận đất đai.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố tạo điều kiện thuận lợi cho các DNNVV thực hiện cơ chế tự thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tiến hành các thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong DNNVV; xây dựng quy trình, hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở đào tạo nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong doanh nghiệp theo đúng quy định. Tổng hợp kế hoạch và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong doanh nghiệp của các cơ sở đào tạo nghề nghiệp trên địa bàn theo quy định hiện hành, báo cáo UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kết nối cung - cầu lao động, thông qua hệ thống sàn giao dịch việc làm để tạo điều kiện cho doanh nghiệp tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh.

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến về Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các thủ tục liên quan đến lao động đối với DNNVV trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức lựa chọn, trình UBND tỉnh triển khai thí điểm hỗ trợ DNNVV tham gia ít nhất 01 (một) cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong các ngành, sản phẩm nông nghiệp có thế mạnh của tỉnh.

8. Sở Nội vụ

- Chủ trì rà soát, theo dõi, tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ đối với công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh; hàng năm, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh khen thưởng kịp thời các Sở, ngành, địa phương thực hiện tốt Kế hoạch này; tham mưu UBND tỉnh nhắc nhở, phê bình đối với các đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ giao tại Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp thành lập và tổ chức hoạt động các Hội nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

9. Sở Tư pháp

Tiếp tục phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố, các hội/hiệp hội doanh nghiệp, doanh nhân của tỉnh tổ chức đẩy mạnh triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý, cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật cho DNNVV trên địa bàn.

10. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, chỉ đạo Báo Kiên Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang và hệ thống truyền thanh cơ sở xây dựng các chuyên trang, chuyên mục phù hợp tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các nội dung của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP và Kế hoạch này. Đẩy mạnh hỗ trợ, khuyến khích DNNVV đầu tư khởi nghiệp sáng tạo nhất là trong lĩnh vực nội dung số.

11. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

Chủ trì hỗ trợ cung cấp, hướng dẫn thông tin và thủ tục đầu tư đối với các DNNVV, doanh nghiệp mới thành lập có nhu cầu thuê lại mặt bằng sản xuất tại các khu công nghiệp trên địa bàn; khai thác hiệu quả các khu công nghiệp; khuyến khích, định hướng để doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp tập trung, tạo điều kiện thuận lợi đầu tư hạ tầng và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thông báo công khai quy hoạch, diện tích đất trong các khu công nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng như: báo, đài, trang thông tin điện tử,... để các DNNVV tiếp cận, tìm kiếm mặt bằng để sản xuất, kinh doanh trong các khu công nghiệp; kịp thời hỗ trợ các DNNVV trong quá trình triển khai dự án trong các khu công nghiệp.

12. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh

- Hàng năm, chủ trì tổng hợp nhu cầu cấp bù lãi suất của tổ chức tín dụng đối với các khoản vay cho doanh nghiệp vừa và nhỏ khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trình UBND tỉnh gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Chỉ đạo, giám sát các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai thực hiện kịp thời chính sách cho vay có hỗ trợ lãi suất đối với DNNVV khởi nghiệp sáng tạo và DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Phối hợp với Sở Tài chính thực hiện rà soát, đối chiếu số liệu đề nghị quyết toán cấp bù chênh lệch lãi suất của các tổ chức tín dụng.

13. Cục Thuế tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tuyên truyền, hướng dẫn công tác quản lý thuế, kê khai quyết toán và chấp hành các chính sách, pháp luật về thuế; hướng dẫn, tư vấn miễn phí các thủ tục hành chính về thuế; hướng dẫn và thực hiện chính sách phí, lệ phí, chính sách miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn cho doanh nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các khóa đào tạo về chính sách thuế và kế toán thuế cho doanh nghiệp mới thành lập.

- Chỉ đạo các Chi cục Thuế trên địa bàn tỉnh chủ động phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch của các huyện, thành phố vận động, hỗ trợ chuyển đổi từ hộ kinh doanh sang DNNVV.

- Hằng năm xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn miễn phí về các dịch vụ thuế điện tử đối với doanh nghiệp mới thành lập và doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh.



14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh

Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội như: Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh đoàn và các tổ chức đoàn thể khác tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hỗ trợ DNNVV; về chính sách hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh.

15. Đề nghị Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh

Phối hợp với các Hội nghề nghiệp của tỉnh tích cực triển khai tuyên truyền Luật Hỗ trợ DNNVV và các văn bản hướng dẫn thi hành và nội dung của Kế hoạch này đến các DNNVV, hộ kinh doanh, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn; phát huy vai trò là cầu nối giữa chính quyền tỉnh với cộng đồng DNNVV; chủ động phối hợp với các Sở, ban, ngành để nắm bắt các khó khăn, vướng mắc và nhu cầu của doanh nghiệp để đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách của tỉnh.

16. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tuyên truyền rộng rãi các nội dung của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP và Kế hoạch này; hướng dẫn các DNNVV thực hiện các quy trình, thủ tục để được hỗ trợ theo quy định; tư vấn, cung cấp thông tin, hoàn thiện hồ sơ doanh nghiệp cho DNNVV theo quy định; lồng ghép các hoạt động hỗ trợ DNNVV vào các chương trình, đề án phát triển của ngành, địa phương.

17. Quy chế phối hợp, quản lý, giám sát và báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ

Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch của ngành, cơ quan, đơn vị mình nhằm cụ thể hóa triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao. Định kỳ hàng năm, thực hiện chế độ báo cáo, giám sát, đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện của ngành, đơn vị mình gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 05 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 12 theo quy định.

18. Các cá nhân, tổ chức, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh

Thực hiện cung cấp thông tin, tài liệu về thành lập doanh nghiệp đầy đủ, kịp thời, chính xác theo yêu cầu của cơ quan chức năng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin, tài liệu đã cung cấp. Tuân thủ các quy định của pháp luật; thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước; tiếp nhận, phối hợp và tổ chức thực hiện có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ. Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Các nội dung khác chưa quy định trong Kế hoạch này thì thực hiện theo quy định của Luật Hỗ trợ DNNVV, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn và các văn bản có liên quan của cấp có thẩm quyền cao hơn.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần phải sửa đổi, bổ sung nội dung của Kế hoạch này cho phù hợp với tình hình thực tế thì các cơ quan, đơn vị chủ động báo cáo về UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để kịp thời chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website Kiên Giang;
- Đài PT&TH Kiên Giang;
- Báo Kiên Giang;
- LĐVP, P. KT, P.TH;
- Lưu: VT, tmchau, "HT".

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lâm Minh Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Phụ lục I

**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC SỞ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG
PHỤ TRÁCH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA KẾ HOẠCH**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 45 /KH-UBND ngày 02/ 3 /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh doanh trong khu vực kinh tế tư nhân. Phân đấu đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh có trên 13.000 doanh nghiệp đang hoạt động. Bình quân hàng năm có từ 20 - 30 hộ kinh doanh chuyển đổi lên doanh nghiệp.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp	Thực hiện liên tục từ năm 2022 - 2025
2	Phân đấu đến năm 2025, có 100 DNNVV khởi nghiệp sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp	Thực hiện liên tục từ năm 2022 - 2025
3	Tỷ trọng doanh nghiệp lớn chiếm khoảng 5%.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp	Thực hiện liên tục từ năm 2022 - 2025
4	Số lao động được giải quyết việc làm trên 140.000 lao động.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp	Thực hiện liên tục từ năm 2022 - 2025
5	Vốn đầu tư của dân cư và doanh nghiệp ngoài quốc doanh chiếm 89%/tổng vốn đầu tư toàn xã hội.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp	Thực hiện liên tục từ năm 2022 - 2025



STT	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
6	Xây dựng hoàn chỉnh hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tập trung xây dựng cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung.	Sở Khoa học và Công nghệ	Tỉnh đoàn Kiên Giang; các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp	Thực hiện liên tục từ năm 2022 - 2025 (Trong đó, chậm nhất năm 2023 phải xây dựng hoàn thành cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung để hỗ trợ DNNVV)
7	Hỗ trợ các DNNVV về tập huấn kiến thức Hội nhập kinh tế quốc tế, các Hiệp định thương mại tự do (FTA); thông tin thị trường xuất nhập khẩu; thương mại điện tử.	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và PTNT; các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp	Thực hiện liên tục từ năm 2022 - 2025
8	Hỗ trợ các DNNVV về tham dự các Chương trình xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ và ứng dụng thương mại điện tử.	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và PTNT; các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp	Thực hiện liên tục từ năm 2022 - 2025



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

Phụ lục 2
DỰ KIẾN VỐN NGÂN SÁCH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HỖ TRỢ DNNVV
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG ĐẾN NĂM 2025

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Nguồn kinh phí 2022 - 2025			Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	NSTW	NSDP	Tổng	
	TỔNG CỘNG		312	2.135	9.820	427	2.905	21.360	498	3.035	22.610	509	3.035	23.030	32.700	44.120	76.820	
I	HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ, TƯ VẤN VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC		39	730	2.690	142	1.500	13.730	144	1.500	13.880	145	1.500	13.930	32.700	11.530	44.230	
1	Hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa		23	500	2.050	26	520	2.190	28	520	2.340	29	520	2.390		8.970	8.970	
1.1	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa	Hợp đồng/năm	2	150	150	3	150	250	3	150	250	4	150	300		950	950	
1.1.1	Đối với doanh nghiệp nhỏ.	Hợp đồng/năm	1	50	50	1	50	50	1	50	50	2	50	100		250	250	
1.1.2	Đối với doanh nghiệp vừa	Hợp đồng/năm	1	100	100	2	100	200	2	100	200	2	100	200		700	700	
1.2	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 20 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu nhỏ; không quá 50 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa.	Doanh nghiệp/năm	8	150	600	10	170	640	12	170	790	12	170	790		2.820	2.820	
1.2.1	Đối với doanh nghiệp siêu nhỏ.	Doanh nghiệp/năm				2	20	40	2	20	40	2	20	40		120	120	
1.2.2	Đối với doanh nghiệp nhỏ.	Doanh nghiệp/năm	4	50	200	4	50	200	5	50	250	5	50	250		900	900	
1.2.3	Đối với doanh nghiệp vừa.	Doanh nghiệp/năm	4	100	400	4	100	400	5	100	500	5	100	500		1.800	1.800	

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Nguồn kinh phí 2022 - 2025			Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	NSTW	NSDP	Tổng	
1.3	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.	Hợp đồng/năm	8	100	800	8	100	800	8	100	800	8	100	800		3.200	3.200	
1.4	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	Hợp đồng/năm	5	100	500	5	100	500	5	100	500	5	100	500		2.000	2.000	
2	Hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận mạng lưới tư vấn viên để được hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn về nhân sự, tài chính, sản xuất, bán hàng, thị trường, quản trị nội bộ và các nội dung khác liên quan tới hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn về thủ tục hành chính, pháp lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành).					100	720	10.900	100	720	10.900	100	720	10.900	32.700		32.700	
2.1	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp siêu nhỏ hoặc không quá 70 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp siêu nhỏ do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp siêu nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp siêu nhỏ là doanh nghiệp xã hội	Hợp đồng/năm				40	120	2.400	40	120	2.400	40	120	2.400	7.200		7.200	
2.1.1	Đối với doanh nghiệp siêu nhỏ	Hợp đồng/năm				20	50	1.000	20	50	1.000	20	50	1.000	3.000		3.000	
2.1.2	Đối với doanh nghiệp siêu nhỏ do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp siêu nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp siêu nhỏ là doanh nghiệp xã hội	Hợp đồng/năm				20	70	1.400	20	70	1.400	20	70	1.400	4.200		4.200	
2.2	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 100 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ hoặc không quá 150 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ là doanh nghiệp xã hội	Hợp đồng/năm				30	250	3.500	30	250	3.500	30	250	3.500	10.500		10.500	
2.2.1	Đối với doanh nghiệp nhỏ.	Hợp đồng/năm				20	100	2.000	20	100	2.000	20	100	2.000	6.000		6.000	
2.2.2	Đối với doanh nghiệp nhỏ do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ là doanh nghiệp xã hội.	Hợp đồng/năm				10	150	1.500	10	150	1.500	10	150	1.500	4.500		4.500	

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Nguồn kinh phí 2022 - 2025			Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	NSTW	NSDP	Tổng	
2.3	Hỗ trợ tối đa 30% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 150 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp vừa hoặc không quá 200 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp vừa là doanh nghiệp xã hội.	Hợp đồng/năm				30	350	5.000	30	350	5.000	30	350	5.000	15.000		15.000	
2.3.1	Đối với doanh nghiệp vừa.	Hợp đồng/năm				20	150	3.000	20	150	3.000	20	150	3.000	9.000		9.000	
2.3.2	Đối với doanh nghiệp vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp vừa là doanh nghiệp xã hội.	Hợp đồng/năm				10	200	2.000	10	200	2.000	10	200	2.000	6.000		6.000	
3	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa		16	230	640	16	260	640	16	260	640	16	260	640		2.560	2.560	
3.1	Hỗ trợ đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp	Khóa đào tạo	5	30	150	5	60	150	5	60	150	5	60	150		600	600	Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện
3.1.1	Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh và tối đa 70% tổng chi phí của một khóa quản trị doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Khóa đào tạo	5	30	150	5	60	150	5	60	150	5	60	150		600	600	
3.1.1.1	Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh.	Khóa đào tạo	5	30	150	4	30	120	4	30	120	4	30	120		510	510	
3.1.1.2	Hỗ trợ tối đa 70% tổng chi phí của một khóa quản trị doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Miễn học phí cho học viên của doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp xã hội khi tham gia khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp).	Khóa đào tạo				1	30	30	1	30	30	1	30	30		90	90	
3.2	Hỗ trợ đào tạo trực tuyến về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp			100	100		100	100		100	100		100	100		400	400	
3.2.1	Kinh phí xây dựng, duy trì, nâng cấp hệ thống đào tạo trực tuyến; khảo sát về nhu cầu đào tạo trực tuyến, truyền thông, quảng bá hệ thống đào tạo trực tuyến cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.			100	100		100	100		100	100		100	100		400	400	
3.3	Hỗ trợ đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất, chế biến.	Khóa đào tạo	6	50	140	6	50	140	6	50	140	6	50	140		560	560	Sở LĐ-TB&XH thực hiện

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Nguồn kinh phí 2022 - 2025			Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	NSTW	NSDP	Tổng	
3.3.1	Hỗ trợ tối đa 70% tổng chi phí của một khóa đào tạo tại doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng không quá 01 khóa/năm/doanh nghiệp	Khóa đào tạo	4	20	80	4	20	80	4	20	80	4	20	80		320	320	Sở LĐ-TB&XH thực hiện
3.3.2	Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo tại doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp xã hội nhưng không quá 01 khóa/năm/doanh nghiệp	Khóa đào tạo	2	30	60	2	30	60	2	30	60	2	30	60		240	240	
3.4	Hỗ trợ đào tạo nghề (Hỗ trợ chi phí đào tạo cho người lao động của doanh nghiệp nhỏ và vừa khi tham gia khóa đào tạo nghề trình độ sơ cấp hoặc chương trình đào tạo từ 03 tháng trở xuống. Các chi phí còn lại do doanh nghiệp nhỏ và vừa và người lao động thỏa thuận. Người lao động tham gia khóa đào tạo phải đáp ứng điều kiện đã làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa tối thiểu 06 tháng liên tục trước khi tham gia khóa đào tạo).	Khóa đào tạo	5	50	250	5	50	250	5	50	250	5	50	250		1.000	1.000	
II	HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO		101	725	3.250	106	725	3.500	165	805	4.300	170	805	4.520		15.570	15.570	
1	Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung.								6	80	240	11	80	460		700	700	
1.1	Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp	Doanh nghiệp							3	20	60	5	20	100		160	160	
1.2	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 5 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa là 03 năm kể từ ngày doanh nghiệp ký hợp đồng thuê mặt bằng (thời gian hỗ trợ tối đa không quá năm 2025).	Doanh nghiệp							3	60	180	6	60	360		540	540	Năm 2025 bố trí vốn cho 3 DN mới và 3 DN chuyển tiếp của năm trước
2	Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ	Hợp đồng/năm	20	160	760	20	160	760	20	160	760	20	160	760		3.040	3.040	
2.1	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	Hợp đồng/năm	8	30	240	8	30	240	8	30	240	8	30	240		960	960	
2.2	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp, bản thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	Hợp đồng/năm	4	30	120	4	30	120	4	30	120	4	30	120		480	480	

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Nguồn kinh phí 2022 - 2025			Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	NSTW	NSDP	Tổng	
2.3	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	Hợp đồng/năm	4	50	200	4	50	200	4	50	200	4	50	200		800	800	
2.4	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	Hợp đồng/năm	4	50	200	4	50	200	4	50	200	4	50	200		800	800	
3	Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới	Hợp đồng/năm	50	150	1.060	50	150	1.060	100	150	1.560	100	150	1.560		5.240	5.240	
3.1	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp và xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.	Hợp đồng/năm	6	60	140	6	60	140	6	60	140	6	60	140		560	560	
3.1.1	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.	Hợp đồng/năm	4	10	40	4	10	40	4	10	40	4	10	40		160	160	
3.1.2	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.	Hợp đồng/năm	2	50	100	2	50	100	2	50	100	2	50	100		400	400	
3.2	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp	Hợp đồng/năm	30	10	300	30	10	300	80	10	800	80	10	800		2.200	2.200	
3.3	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm sản phẩm mới tại các đơn vị, tổ chức thử nghiệm sản phẩm hàng hóa nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.	Hợp đồng/năm	4	30	120	4	30	120	4	30	120	4	30	120		480	480	
3.4	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.	Hợp đồng/năm	10	50	500	10	50	500	10	50	500	10	50	500		2.000	2.000	

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Nguồn kinh phí 2022 - 2025			Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	NSTW	NSDP	Tổng	
4	Hỗ trợ công nghệ	Hợp đồng/năm	4	100	400	4	100	400	4	100	400	4	100	400		1.600	1.600	
4.1	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.	Hợp đồng/năm	4	100	400	4	100	400	4	100	400	4	100	400		1.600	1.600	
5	Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu.		5	55	70	5	55	70	8	55	130	8	55	130		400	400	
5.1	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo chuyên sâu trong nước cho học viên của doanh nghiệp về xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; phát triển thương mại điện tử; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học nhưng không quá 5 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm.	Học viên/năm	4	5	20	4	5	20	6	5	30	6	5	30		100	100	Sở Công Thương thực hiện
5.2	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo, huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/học viên/năm và không quá 02 học viên/doanh nghiệp/năm	Học viên/năm	1	50	50	1	50	50	2	50	100	2	50	100		300	300	
6	Hỗ trợ về thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo		20	230	900	25	230	1.150	25	230	1.150	25	230	1.150		4.350	4.350	
6.1	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.	Hợp đồng/năm	2	100	200	2	100	200	2	100	200	2	100	200		800	800	
6.2	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử (thời gian hỗ trợ tối đa không quá năm 2025).	Doanh nghiệp	5	50	250	10	50	500	10	50	500	10	50	500		1.750	1.750	Từ năm 2023 - 2025, mỗi năm bố trí vốn cho 5 DN mới và 5 DN chuyển tiếp của năm trước
6.3	Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài		13	80	450	13	80	450	13	80	450	13	80	450		1.800	1.800	

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Nguồn kinh phí 2022 - 2025			Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	NSTW	NSĐP	Tổng	
6.3.1	Không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước.	Doanh nghiệp	10	30	300	10	30	300	10	30	300	10	30	300		1.200	1.200	
6.3.2	Không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài.	Doanh nghiệp	3	50	150	3	50	150	3	50	150	3	50	150		600	600	
7	Hỗ trợ chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo (Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo nhưng không quá 30 triệu đồng/cuộc thi/năm/doanh nghiệp)	Doanh nghiệp	2	30	60	2	30	60	2	30	60	2	30	60		240	240	
III	HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH, CHUỖI GIÁ TRỊ		172	680	3.880	179	680	4.130	189	730	4.430	194	730	4.580		17.020	17.020	
1	Hỗ trợ đào tạo		52	60	600	52	60	600	52	60	600	52	60	600		2.400	2.400	
1.1	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tổ chức khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên sâu tại doanh nghiệp nhưng không quá 50 triệu đồng/khoá/năm/doanh nghiệp.	Khóa đào tạo	2	50	100	2	50	100	2	50	100	2	50	100		400	400	
1.2	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đào tạo cho học viên của doanh nghiệp khi tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu theo nhu cầu phát triển của ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 10 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm.	Học viên/năm	50	10	500	50	10	500	50	10	500	50	10	500		2.000	2.000	
2	Hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh.		8	130	520	8	130	520	8	130	520	8	130	520		2.080	2.080	
2.1	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đánh giá toàn diện năng lực của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.	Hợp đồng/năm	4	30	120	4	30	120	4	30	120	4	30	120		480	480	
2.2	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn cải tiến, nâng cấp kỹ thuật chuyên sâu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm cải thiện năng lực sản xuất, đáp ứng yêu cầu kết nối, trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp đầu chuỗi nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.	Hợp đồng/năm	4	100	400	4	100	400	4	100	400	4	100	400		1.600	1.600	
3	Hỗ trợ thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường		17	270	1.010	19	270	1.110	19	270	1.110	19	270	1.110		4.340	4.340	
3.1	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	Hợp đồng/năm	2	100	200	2	100	200	2	100	200	2	100	200		800	800	

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Nguồn kinh phí 2022 - 2025			Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	NSTW	NSDP	Tổng	
3.2	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử quốc tế (thời gian hỗ trợ tối đa không quá năm 2025).	Hợp đồng/năm	2	50	100	4	50	200	4	50	200	4	50	200		700	700	Từ năm 2023 - 2025, mỗi năm bố trí vốn cho 2 DN mới và 2 DN chuyển tiếp của năm trước
3.3	Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia tại hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 70 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài,	Doanh nghiệp	13	120	710	13	120	710	13	120	710	13	120	710		2.840	2.840	
3.3.1	<i>Không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước</i>	<i>Doanh nghiệp</i>	<i>10</i>	<i>50</i>	<i>500</i>	<i>10</i>	<i>50</i>	<i>500</i>	<i>10</i>	<i>50</i>	<i>500</i>	<i>10</i>	<i>50</i>	<i>500</i>		2.000	2.000	
3.3.2	<i>Không quá 70 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài</i>	<i>Doanh nghiệp</i>	<i>3</i>	<i>70</i>	<i>210</i>	<i>3</i>	<i>70</i>	<i>210</i>	<i>3</i>	<i>70</i>	<i>210</i>	<i>3</i>	<i>70</i>	<i>210</i>		840	840	
4	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước (Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp).	Hợp đồng/năm	2	50	100	2	50	100	2	50	100	2	50	100		400	400	
5	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị (Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị nhưng không quá 20 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp).	Hợp đồng/năm	4	20	80	4	20	80	4	20	80	4	20	80		320	320	
6	Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng	Hợp đồng/năm	75	90	1.150	75	90	1.150	80	90	1.200	80	90	1.200		4.700	4.700	

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Nguồn kinh phí 2022 - 2025			Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Tổng kinh phí	NSTW	NSDP	Tổng	
6.1	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hợp đồng tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.	Hợp đồng/năm	15	60	350	15	60	350	20	60	400	20	60	400		1.500	1.500	
6.1.1	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.	Hợp đồng/năm	10	10	100	10	10	100	15	10	150	15	10	150		500	500	
6.1.2	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.	Hợp đồng/năm	5	50	250	5	50	250	5	50	250	5	50	250		1.000	1.000	
6.2	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.	Doanh nghiệp	40	10	400	40	10	400	40	10	400	40	10	400		1.600	1.600	
6.3	Hỗ trợ 100% chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật nhưng không quá 20 triệu đồng/sản phẩm/năm/doanh nghiệp.	Doanh nghiệp	20	20	400	20	20	400	20	20	400	20	20	400		1.600	1.600	
7	Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng		14	60	420	19	60	570	24	110	820	29	110	970		2.780	2.780	
7.1	Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp	Doanh nghiệp	10	30	300	15	30	450	15	30	450	20	30	600		1.800	1.800	
7.2	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp	Doanh nghiệp	4	30	120	4	30	120	4	30	120	4	30	120		480	480	
7.3	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp	Doanh nghiệp							5	50	250	5	50	250		500	500	

